TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày: 13/8/2026
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Hội.
2. Ông Đỗ Khắc Vũ.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 14 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/8/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 14 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 19/2025/TLST-DS ngày 07/10/2025 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-DS ngày 29/5/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 07/2026/QĐST-DS ngày 27/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông , sinh năm 1964 và bà , sinh năm 1968; cùng địa chỉ: .

- Bị đơn: Bà *(đã chết ngày 11/11/2025 theo giấy trích lục khai tử số 148/2026//TLKT-BS ngày 27/3/2026 của , tỉnh Gia Lai).*

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà :

1. Bà , sinh năm 1977; địa chỉ: .
2. Bà , sinh năm 1979; địa chỉ: .
3. Ông , sinh năm 1982; địa chỉ: .

Ông , bà vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà , bà và ông lần thứ ba vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông và bà :

Vì là chỗ quen biết với nhau đã lâu nên vào ngày 26/11/2018 ông, bà có cho bà , cư trú tại vay số tiền là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)*. Khi vay tiền bà đã tự nguyện ghi nội dung vay ông, bà số tiền trên vào giấy vay tiền; ký ghi rõ họ tên người vay tiền là và giao lại cho ông, bà giữ. Thời gian vay cũng đã lâu, nhiều lần ông, bà thông báo đến bà để thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng đến nay bà vẫn chưa trả số nợ trên cho ông , bà . Vì vậy, ông, bà khởi kiện ra Toà án nhân dân khu vực 14 - Gia Lai yêu cầu bà phải trả ngay cho ông, bà số tiền còn nợ là: 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)*.

Tại bản tự khai ngày 14/12/2025 và ngày 09/7/2026 ông , bà trình bày: Khoảng giữa tháng 11/2025 bị đơn bà đã chết. Tuy nhiên, bà vẫn còn tài sản nên ông, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà . Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà gồm bà , bà và ông phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)* cho ông, bà trong phạm vi di sản do người chết để lại. Ông, bà không yêu cầu đòi tiền nợ lãi.

Đối với bị đơn bà :

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho bà theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà *(là con gái bà)* trình bày hiện bà đã bị bệnh và không còn nhận thức từ ngày 15/8/2025. Đến ngày 11/11/2025 bà chết theo giấy trích lục khai tử số 148/2026//TLKT-BS ngày 27/3/2026 của , tỉnh Gia Lai. Sau khi bà chết, Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà gồm bà , bà và ông , Tòa án đã đưa bà , bà , ông vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 14 - Gia Lai đã triệu tập bà , bà và ông đến Tòa án làm việc, làm bản tự khai, cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà , bà và ông không chấp hành mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà , bà và ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình và bà , bà và ông cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng tại Tòa.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Bản gốc Giấy vay tiền có nội dung: "... Giấy vay tiền. Tôi tên là: . Hiện ở: ...Có vay của cô chú với số tiền là 60.000.000 đồng...Ký tên người vay ; 02 căn cước công dân mang tên và (đều là bản photo).

Các tài liệu, chứng cứ được Tòa án thu thập, gồm: 01 Trích lục khai tử số 148/2026//TLKT-BS ngày 27/3/2026 của , tỉnh Gia Lai (bản sao); 01 Biên bản xác minh ngày 07/7/2026.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 6, Điều 96, Điều 70 và Điều 74 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 232; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 116; Điều 117; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469; Điều 614 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông , bà .

Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà để trả nợ cho ông và bà số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)*. Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật trong phạm vi di sản của bà để lại. Hoàn trả cho nguyên đơn ông , bà số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

(*Có kèm theo bài phát biểu*)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông , bà khởi kiện bị đơn bà có địa chỉ cư trú tại phải trả số tiền còn nợ từ hợp đồng vay tài sản. Khi bà chết những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà gồm bà , bà , ông đều có địa chỉ cư trú tại . Theo quy định tại Điều 26; Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QHH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập bà , bà và ông là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nhưng bà , bà và ông đều cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng tại Tòa. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông , bà vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông , bà , Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là giấy vay tiền đề ngày 26/11/2018 có nội dung bị đơn bà vay của cô chú - Đàn với số tiền 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)* phía dưới có chữ ký của bà . Ngày 07/10/2025 ông , bà có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai buộc bị đơn bà phải trả số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Tòa án đã thụ lý vụ án và tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà , tuy nhiên theo bà (con gái bà) thì từ ngày 15/8/2025 bà đã bị bệnh và không còn nhận thức nên bà không cung cấp được lời khai cho Tòa án. Đến ngày 11/11/2025 bà chết theo Trích lục khai tử số 148/2026/TLKT-BS do cấp ngày 27/3/2026.

Khi bà chết, Tòa án nhân dân khu vực 14- Gia Lai đã đưa những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà gồm: Các con là , và vào tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Tòa án đã thông báo cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà biết nội dung yêu cầu khởi kiện của ông , bà ; yêu cầu họ cung cấp các tài liệu chứng cứ thể hiện việc đã trả nợ xong hoặc không có nợ ông , bà theo yêu cầu khởi kiện tại Tòa án. Tuy nhiên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà không hợp tác, không cung cấp lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì nguyên đơn không có nghĩa vụ phải chứng minh, chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

Tại Điều 614 Bộ luật Dân sự quy định: "Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại" và tại khoản 1 Điều 615 của Bộ luật Dân sự quy định: "Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Vì vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà gồm: Các con là , và phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ cho ông , bà trong phạm vi di sản của bà để lại.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, Điều 466; Điều 469; Điều 614 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông , bà ; buộc bà , bà và ông là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà để lại để trả nợ cho ông , bà số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)* khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông , bà không yêu cầu phải trả tiền lãi của số nợ nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án trong phạm vi di sản của bà để lại thực hiện nghĩa vụ.

Trường hợp số tiền thu được từ di sản của bà để lại lớn hơn số tiền nợ phải trả thì số tiền còn lại được trả cho các đồng thừa kế của bà theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ di sản của bà để lại nhỏ hơn số tiền nợ phải trả thì những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà chỉ phải trả trong phạm vi giá trị tài sản mà bà để lại.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà là bà , bà và ông phải liên đới nộp số tiền án phí là 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)* trong phạm vi di sản của bà để lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 238; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QHH15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468; Điều 469; Điều 614 và Điều 615 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông , bà .

Buộc bà , bà và ông là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trong phạm vi di sản của bà để lại để trả nợ cho ông , bà số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)* khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông , bà không yêu cầu phải trả tiền lãi của số nợ nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn có quyền yêu cầu thi hành án trong phạm vi di sản của bà để lại thực hiện nghĩa vụ.

Trường hợp số tiền thu được từ di sản của bà để lại lớn hơn số tiền nợ phải trả thì số tiền còn lại được trả cho các đồng thừa kế của bà theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ di sản của bà để lại nhỏ hơn số tiền nợ phải trả thì những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà chỉ phải trả trong phạm vi giá trị di sản mà bà để lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong khoản tiền nợ nói trên (60.000.000 đồng), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà là bà , bà và ông phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.000.000 đồng *(ba triệu đồng)* trong phạm vi di sản của bà để lại.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Toà án số 0002771 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VPTA./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngọc